

Bản án số: 06/2024/HNGĐ-ST

Ngày 11- 01-2024

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TY, TỈNH YB**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền

2. Ông Đặng Minh Nhân

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thu Thủy – Thư ký Toà án nhân dân HUYỆN TY, TỈNH YB.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện TY tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thư – Kiểm sát viên.

Ngày 12-12-2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân HUYỆN TY, TỈNH YB xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 198/2023/TLST-HNGĐ ngày 09-10-2023 về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28-11-2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12-12-2023, Thông báo mở lại phiên tòa số 29/TB-TA ngày 26-12-2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1973. Vắng mặt có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn TL, xã Y C, HUYỆN TY, TỈNH YB.

2. *Bị đơn:* Ông Đào Văn T, sinh năm 1968. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn TL, xã Y C, HUYỆN TY, TỈNH YB.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01-10-2023, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N và ông Đào Văn T kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MT (nay là Ủy ban nhân dân xã Y C), HUYỆN TY, TỈNH YB vào năm 1991, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Y C, HUYỆN TY, TỈNH YB. Sau khi kết hôn vợ

chồng chung sống tại Thôn TL, xã Y C, HUYỆN TY, TỈNH YB, về tình cảm hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T ghen tuông, chửi bới xúc phạm bà N, mâu thuẫn vợ chồng đã được địa phương cùng gia đình khuyên bảo giúp đỡ, nhưng không có kết quả. Nay, bà N xác định tình cảm vợ chồng với ông T không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đào Văn T.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị N và ông Đào Văn T có hai con chung là Đào Thị H, sinh ngày 20-01-1993 và Đào Văn T1, sinh ngày 18-4-2005 đều đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 23-10-2023, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Đào Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian, địa điểm kết hôn như bà Nguyễn Thị N trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc tại Thôn TL, xã Y C, HUYỆN TY, TỈNH YB không xảy ra xô xát, chỉ có những mâu thuẫn nhỏ. Hiện nay vợ chồng vẫn chung sống cùng một nhà. Nay ông T xác định tình cảm vợ chồng với bà N vẫn còn, muốn Tòa án hoà giải để vợ chồng về sống đoàn tụ và không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông Đào Văn T công nhận vợ chồng có hai con chung là Đào Thị H, sinh ngày 20-01-1993 và Đào Văn T1, sinh ngày 18-4-2005 đều đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết, Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn ông Đào Văn T không đến Tòa án nên không tiến hành hoà giải được. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân HUYỆN TY, TỈNH YB phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân HUYỆN TY, TỈNH YB đề nghị:

- Về điều luật áp dụng: Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56. Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N được ly hôn ông Đào Văn T.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị N và ông Đào Văn T có hai con chung là Đào Thị H, sinh ngày 20-01-1993 và Đào Văn T1, sinh ngày 18-4-2005 đều đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản và nợ chung: Bà Nguyễn Thị N và ông Đào Văn T không yêu cầu Toà án giải quyết.
- Về án phí và quyền kháng cáo: Theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện TY nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn ông Đào Văn T có đăng ký hộ khẩu tại Thôn TL, xã Y C, HUYỆN TY, TỈNH YB, nên yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị N thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân HUYỆN TY, TỈNH YB, theo quy định tại Điều 28, 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Đào Văn T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị N và ông Đào Văn T kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MT (nay là xã Y C), HUYỆN TY, TỈNH YB năm 1991 là hôn nhân hợp pháp, được Pháp luật công nhận.

Sau khi kết hôn, theo bà Nguyễn Thị N đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T ghen tuông, hay chửi bới xúc phạm bà N, mâu thuẫn vợ chồng đã nhiều năm nay không khắc phục được. Bà N xác định tình cảm vợ chồng với ông T không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Đào Văn T.

Ông Đào Văn T cho rằng giữa hai vợ chồng không xảy ra xô xát chỉ có những mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống thường ngày, ông T xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, không đồng ý ly hôn. Nhưng ông T lại không có biện pháp gì để cải thiện, khắc phục mâu thuẫn vợ chồng và không đến Tòa án để giải quyết, nên Tòa án không tiến hành hoà giải được. Như vậy ông T đã tự từ bỏ quyền lợi và cơ hội hàn gắn cuộc sống vợ chồng của bản thân.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy hôn nhân giữa bà N và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung thực tế không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó có căn cứ cho bà Nguyễn Thị N được ly hôn ông Đào Văn T theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình là phù hợp pháp luật.

[3] *Về con chung:* Bà Nguyễn Thị N và ông Đào Văn T có hai chung là Đào Thị H, sinh ngày 20-01-1993 và Đào Văn T1, sinh ngày 18-4-2005 đều đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không giải quyết về con chung.

[4] *Về tài sản và nợ chung:* Bà Nguyễn Thị N và ông Đào Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Tòa án không giải quyết quan hệ về tài sản và nợ chung.

[5] *Về án phí:* Bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí DSST ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Tại phiên tòa, ý kiến phát biểu về quan điểm của Kiểm sát viên đã phù hợp với quy định pháp luật, phù hợp với điều kiện thực tế, khách quan của các đương sự nên cần chấp nhận.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 235, Điều 227, Điều 228; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N được ly hôn ông Đào Văn T.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2022/0001985 tại Chi cục thi hành án dân sự HUYỆN TY, TỈNH YB ngày 09-10-2023.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn Bà Nguyễn Thị N, bị đơn ông Đào Văn T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh YB;
- VKSND huyện TY;
- Chi cục THADS huyện TY;
- UBND xã Y C;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, TA, HSVA.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Phương